

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/KDTM- ST

Ngày: 17/3/2021.

V/v tranh chấp về hợp đồng
mua bán hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Thư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn

2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh – là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 53/2020/TLST- KDTM ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST- KDTM ngày 25 tháng 01 năm 2021, giữa:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH chế biến thực phẩm Kh; địa chỉ: Xã V, huyện B, Thành phố H;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Quế Tr, sinh năm 1995 (văn bản ủy quyền số 0409/GUY- KG ngày 04/9/2020). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Kiều Anh V - Luật sư Công ty Luật TNHH K, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H. Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại - dịch vụ - sản xuất N; địa chỉ: khu dân cư Ph, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị L, chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Phạm Thị Quế Tr trình bày:

Ngày 19/8/2019, giữa Công ty TNHH chế biến thực phẩm Kh (viết tắt là công ty Kh) và công ty TNHH Thương mại - dịch vụ - sản xuất N (viết tắt là công ty) ký kết hợp đồng số 152019/HĐKT về việc sản xuất và cung cấp các sản phẩm cacao độc quyền. Ngày 03/3/2020, công ty Kh và công ty N ký kết biên bản thanh lý hợp đồng sản xuất với nội dung: Hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng do công ty N không đặt đủ đơn hàng như cam kết và hủy đơn hàng Nalee Choco (tăng cân), công ty N đồng ý thanh toán cho công ty Kh các khoản sau: Công nợ quý 4 là 476.697.206đ, giá trị thành phẩm N và nguyên liệu còn lại đã mua là 1.118.151.000đ. Công ty N đã thanh toán 414.500.000đ, công nợ còn lại đến thời điểm thanh lý là 1.180.549.206đ. Phương thức thanh toán là chuyển khoản hoặc trả tiền mặt khoản tiền nợ trên trong thời gian từ ngày 16/3/2020 đến ngày 20/8/2020. Cụ thể công ty Nalee sẽ thanh toán từng đợt:

Đợt 1: Từ ngày 16/3/2020 đến ngày 31/3/2020 thanh toán 50.000.000đ;

Đợt 2: Từ ngày 01/4/2020 đến ngày 20/4/2020 thanh toán 150.000.000đ;

Đợt 3: Từ ngày 20/4/2020 đến ngày 20/5/2020 thanh toán 200.000.000đ;

Đợt cuối: Từ ngày 20/5/2020 đến ngày 20/8/2020 thanh toán số tiền 780.549.206đ, chia đều cho mỗi tháng thanh toán từ 200.000.000đ đến 250.000.000đ vào ngày 20 dương lịch hàng tháng.

Đã quá thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng thanh lý nhưng công ty N không thanh toán tiền nợ, nên công ty Kh khởi kiện yêu cầu công ty Nalee phải trả số tiền nợ gốc là 1.180.549.206đ và tiền lãi chậm trả 09%/năm tạm tính đến ngày 17/3/2021 là 75.387.345đ, cụ thể như sau:

- Tiền lãi chậm trả đợt 1 của số tiền 50.000.000đ, mức lãi suất 09%/năm, thời hạn tính từ ngày 01/4/2020 đến ngày 17/3/2021 (11 tháng 16 ngày) là 4.322.260đ;

- Tiền lãi chậm trả đợt 2 của số tiền 150.000.000đ, mức lãi suất 09%/năm, thời hạn tính từ ngày 21/4/2020 đến ngày 17/3/2021 (10 tháng 24 ngày) là 12.137.671đ;

- Tiền lãi chậm trả đợt 3 của số tiền 50.000.000đ, mức lãi suất 09%/năm, thời hạn tính từ ngày 21/5/2020 đến ngày 17/3/2021 (09 tháng 24 ngày) là 14.683.561đ;

- Tiền lãi chậm trả đợt cuối:

+ Tiền lãi chậm trả của số tiền 200.000.000đ, mức lãi suất 09%/năm, thời hạn tính từ ngày 21/6/2020 đến ngày 17/3/2021 (08 tháng 24 ngày) là 13.183.561đ;

+ Tiền lãi chậm trả của số tiền 200.000.000đ, mức lãi suất 09%/năm, thời hạn tính từ ngày 21/7/2020 đến ngày 17/3/2021 (07 tháng 24 ngày) là 11.683.561đ;

+ Tiền lãi chậm trả của số tiền 380.549.206đ, mức lãi suất 09%/năm, thời hạn tính từ ngày 21/8/2020 đến ngày 17/3/2021 (06 tháng 24 ngày) là 19.376.731đ.

Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để chứng minh yêu cầu khởi kiện: Biên bản thanh lý hợp đồng sản xuất, công nợ thanh lý hợp đồng, bảng kê chi tiết đơn hàng, giấy ủy quyền.

Bị đơn Công ty N đã được Tòa án thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại các Điều 175, 179, 198, 208 và 220 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn – ông Kiều Anh V trình bày:

Thông nhất lời trình bày của đại diện nguyên đơn. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Lê Thị L – Giám đốc công ty TNHH Thương mại - dịch vụ - sản xuất N phải chịu trách nhiệm cá nhân và thanh toán số nợ trên cho Công ty Kh.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Về nội dung: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Đại diện bị đơn công ty N đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hai lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Quyền và nghĩa vụ của đương sự vắng mặt sẽ được giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Theo biên bản thanh lý hợp đồng sản xuất, giữa công ty Kh và công ty N thỏa thuận quyền khởi kiện tại tòa án kinh tế Thành phố H. Tuy nhiên, thỏa thuận đó không phù hợp quy định của pháp luật. Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702777681 và Công văn trả lời số 1629/CV- ĐKKD ngày 01/12/2020 của Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bình Dương thể hiện bị đơn công ty TNHH thương mại dịch vụ sản xuất N có trụ sở tại : khu dân cư Ph, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh B, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ pháp luật: Công ty Kh khởi kiện yêu cầu công ty N trả số tiền nợ theo Hợp đồng sản xuất và biên bản thanh lý hợp đồng sản xuất, do đó quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Theo đơn khởi kiện công ty Kh yêu cầu công ty N phải trả số tiền nợ gốc là 1.180.549.206đ theo biên bản thanh lý hợp đồng sản xuất và tiền lãi chậm trả 09%/năm tạm tính đến ngày 17/3/2021 là 75.387.345đ.

Xét thấy, theo biên bản thanh lý hợp đồng sản xuất ngày 03/3/2020, giữa đại diện công ty N và đại diện công ty Kh thống nhất thanh lý hợp đồng sản xuất độc quyền các mặt hàng Nalee Choco, Nalee Slim, Nalee Detox số 152019/HĐKT ngày 19/8/2019. Theo nội dung biên bản thanh lý hợp đồng sản xuất đại diện công ty N xác định đến thời điểm ký biên bản thanh lý hợp đồng công ty N còn nợ công ty Kh số tiền 1.180.549.206đ. Việc thừa nhận số nợ của công ty N là chứng cứ mà công ty Kh không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

Quá trình tố tụng, bị đơn công ty Nalee vắng mặt không lý do và không có ý kiến, xem như từ bỏ quyền chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công ty Khang Gia.

Do đó, công ty Kh khởi kiện yêu cầu công ty N trả số tiền nợ 1.180.549.206đ là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Lê Thị L – Giám đốc công ty TNHH Thương mại - dịch vụ - sản xuất N phải chịu trách nhiệm cá nhân và thanh toán số nợ trên cho Công ty Kh. Xét thấy, theo các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ Công ty Kh khởi kiện Công ty Nalee đòi số tiền nợ do xuất phát từ hợp đồng sản xuất hàng hóa. Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Tòa án đã thu thập tại Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bình Dương người đại diện theo pháp luật của công ty TNHH Thương mại - dịch vụ - sản xuất N là bà Lê Thị L, chức danh Giám đốc. Do đó, việc yêu cầu bà Lê Thị L chịu trách nhiệm với tư cách cá nhân như yêu

cầu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về yêu cầu trả tiền lãi:

Công ty Kh yêu cầu công ty N phải thanh toán tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất 09%/năm.

Xét thấy, công ty N còn nợ công ty Kh số tiền 1.180.549.206đ chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng quy định tại Điều 50 Luật Thương mại, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Công ty Kh yêu cầu tính tiền lãi chậm thanh toán 09%/năm đối với số tiền chậm thanh toán, mức lãi suất này phù hợp mức lãi suất trung bình của ba Ngân hàng tại địa phương (Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam) tại thời điểm xét xử sơ thẩm, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Cụ thể, tiền lãi tạm tính đến ngày 29/12/2020 theo lịch trình thỏa thuận trả tiền như sau:

- Tiền lãi chậm trả đợt 1 của số tiền 50.000.000đ, mức lãi suất 09%/năm, thời hạn tính từ ngày 01/4/2020 đến ngày 17/3/2021 (11 tháng 16 ngày) là 4.322.260đ;

- Tiền lãi chậm trả đợt 2 của số tiền 150.000.000đ, mức lãi suất 09%/năm, thời hạn tính từ ngày 21/4/2020 đến ngày 17/3/2021 (10 tháng 24 ngày) là 12.137.671đ;

- Tiền lãi chậm trả đợt 3 của số tiền 50.000.000đ, mức lãi suất 09%/năm, thời hạn tính từ ngày 21/5/2020 đến ngày 17/3/2021 (09 tháng 24 ngày) là 14.683.561đ;

- Tiền lãi chậm trả đợt cuối:

- + Tiền lãi chậm trả của số tiền 200.000.000đ, mức lãi suất 09%/năm, thời hạn tính từ ngày 21/6/2020 đến ngày 17/3/2021 (08 tháng 24 ngày) là 13.183.561đ;

- + Tiền lãi chậm trả của số tiền 200.000.000đ, mức lãi suất 09%/năm, thời hạn tính từ ngày 21/7/2020 đến ngày 17/3/2021 (07 tháng 24 ngày) là 11.683.561đ;

- + Tiền lãi chậm trả của số tiền 380.549.206đ, mức lãi suất 09%/năm, thời hạn tính từ ngày 21/8/2020 đến ngày 17/3/2021 (06 tháng 24 ngày) là 19.376.731đ.

Tổng số tiền lãi chậm trả tạm tính là 75.387.345đ.

[2.3] Như vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 1.180.549.206đ và tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 17/3/2021 là 75.387.345đ.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự;

- Các Điều 50, 306 của Luật Thương mại năm 2005;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Kh về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn Công ty TNHH Thương mại dịch vụ sản xuất N.

Buộc Công ty TNHH Thương mại dịch vụ sản xuất N phải thanh toán cho Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Kh số tiền 1.255.936.551đ (một tỷ, hai trăm năm mươi năm triệu, chín trăm ba mươi sáu nghìn, năm trăm năm mươi một đồng), trong đó: Số tiền còn nợ là 1.180.549.206đ (một tỷ, một trăm tám mươi triệu, năm trăm bốn chín nghìn, hai trăm lẻ sáu đồng) và 75.387.345đ (bảy mươi lăm triệu, ba trăm tám bảy nghìn, ba trăm bốn lăm đồng) tiền lãi do chậm thanh toán.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí sơ thẩm:

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ sản xuất N phải chịu 49.678.096đ (bốn mươi chín triệu, sáu trăm bảy tám nghìn, chín sáu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Kh không phải nộp án phí sơ thẩm, trả lại cho Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Kh 23.938.000 đ (hai mươi ba triệu, chín trăm ba mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0048889 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Anh Thư